

Số: 65/2025/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2025, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đoàn Thành C – Sinh năm 1987; CCĐT 035087001094, cấp ngày 05/07/2025; nơi cấp: Bộ C1

- Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm 1989; CCCC 036189001309, cấp ngày 28/06/2022; nơi cấp: Cục Q về trật tự xã hội.

Nơi thường trú: P1508 HH2C L, phường H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Thành C và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/11/2015 tại UBND thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam – theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2015 ngày 05/11/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Anh C, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh C, chị T có hai con chung là Đoàn Thái A – Sinh ngày 03/07/2019 và Đoàn Khánh A1 – sinh ngày 01/02/2016. Anh, chị thoả

thuận giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C cấp dưỡng nuôi con 18.000.000 đồng/02con/1 tháng (mỗi con 09 triệu đồng/tháng).

[3] Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Anh C, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các khoản nợ chung: Anh C, chị T không có các khoản nợ chung.

[5] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh C tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận trên của anh chị được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 07 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Thành C và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh C, chị T xác nhận có hai con chung là Đoàn Thái A – sinh ngày 03/07/2019 và Đoàn Khánh A1 – sinh ngày 01/02/2016. Anh, chị thỏa thuận giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C cấp dưỡng nuôi con 18.000.000 đồng/02con/1 tháng (mỗi con 09 triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: Anh C tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp theo Biên lai số 0000398 ngày

10/07/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh C đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND KV3-HN;
- UBND phường Đồng Văn,
tỉnh Ninh Bình
- Phòng THA dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm